

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bồi thường, hỗ trợ cho 15 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị
thiệt hại do GPMB thực hiện một số hạng mục phục vụ thi công dự án
Đường trục khu Kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00 - Km18+500),
Địa bàn: xã Cát Tường, huyện Phù Cát.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ
quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND
tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND
tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà
nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 54/2017/QĐ –UBND ngày
21/9/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà
cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND
tỉnh Bình Định về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm
2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 422/2014/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND
tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự
án Đường trục Khu Kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00-Km18+500, hạng mục xây
dựng tuyến đường ngang;*

*Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh về
việc xác định hệ số điều chỉnh giá đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng
mặt bằng thực hiện dự án Đường trục Khu Kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00-
Km18+500), hạng mục: Xây dựng các tuyến đường ngang phục vụ thi công;*

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường trục Khu Kinh tế nối dài tại Văn bản số 47/TTr-HĐBT ngày 15/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 15 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị thiệt hại do GPMB thực hiện một số hạng mục phục vụ thi công dự án Đường trục khu Kinh tế nối dài (đoạn Km4+00 - Km18+500), địa bàn xã Cát Tường, huyện Phù Cát, cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 15 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và dự trù cưỡng chế là 636.196.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn đồng). Trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ 622.501.000 đồng.
- + Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất: 150.499.000 đồng;
- + Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: 444.392.000 đồng;
- + Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống: 10.890.000 đồng;
- + Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: 16.720.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 12.450.000 đồng.
- Chi phí dự trù cưỡng chế: 1.245.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo và Phương án chi tiết kèm theo Văn bản số 47/TTr-HĐBT ngày 15/3/2021 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tỉnh).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường trục Khu kinh tế nối dài (đoạn Km4+00 - Km18+500).

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ ĐẤT ĐAI, VẬT KIẾN TRÚC, CÂY CỐI DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ HẠNG MỤC PHỤC VỤ THI CÔNG DỰ ÁN ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ NỔI DÀI (đoạn Km4+00-Km18+500), XÃ CÁT TƯỜNG, HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ địa chính	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	Phân diện tích còn lại hộ đề nghị thu hồi hết		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Cây cối, hoa màu	Giá trị hỗ trợ đời sống (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
							< 200m ²	>200m ²	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)				
a	Bồi thường, hỗ trợ đối với 08 hộ dân													
I	Đối với 08 hộ dân bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng													
1	Phan Thị Bảy	Thôn Chánh Liên, xã Cát Tường	949	29	185,3	22,4	162,9		13.156.300	39.468.900	52.625.200	685.610		53.310.810
2	Lâm Văn Hà, vợ Đào Thị Hạnh	Thôn Chánh Liên, xã Cát Tường	945	29	223,6	26,3	197,3		15.875.600	47.626.800	63.502.400	827.320		64.329.720
3	Bùi Thị Mai (chết), con Nguyễn Thị Lợi (Đại diện kê khai)	Thôn Chánh Liên, xã Cát Tường	946	29	260,6	42,8		217,8	18.502.600	55.507.800	74.010.400	964.220		74.974.620
4	Mai Thị Lặc (chết), con Đoàn Dư (Đại diện kê khai)	Thôn Chánh Liên, xã Cát Tường	947	29	351,6	82,3		269,3	24.963.600	74.890.800	99.854.400	1.300.920		101.155.320

STT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ địa chính	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	Phần diện tích còn lại hộ đề nghị thu hồi hết		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Cây cối, hoa màu	Giá trị hỗ trợ đời sống (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
							< 200m ²	>200m ²	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)				
5	Nguyễn Tựu (chết), con Nguyễn Thị Liêm (Đại diện kê khai)	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường	944	29	184,0	23,3	160,7		13.064.000	39.192.000	52.256.000	680.800		52.936.800
6	Nguyễn Đăng Hoàng, vợ Nguyễn Thúy Hằng	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường	673	29	545,7	93,8			5.909.400	17.728.200	23.637.600	262.640		23.900.240
7	Nguyễn Văn Lậu (chết), vợ Nguyễn Thị Liêm	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường	762	29	1.325,0	114,2			8.108.200	24.324.600	32.432.800	422.540		32.855.340
8	Nguyễn Phúc Dũng	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường	702	29	1.032,5	242,4			17.210.400	51.631.200	68.841.600	896.880		69.738.480
II	Đối với 02 hộ dân bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng													
1	Quách Thắng Ân, vợ Nguyễn Thị Hạnh	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường	747	29	1.726,3	236,2			16.770.200	50.310.600	67.080.800	873.940	6.534.000	74.488.740
2	Nguyễn Kế Trung, vợ Phạm Thị Mười; Cha Nguyễn Kế Cừu (đại diện kê khai)	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường	730	29	960,0	106,1			7.533.100	22.599.300	30.132.400	392.570	4.356.000	34.880.970

STT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ ĐD địa chính	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	Phần diện tích còn lại hộ đề nghị thu hồi hết		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Cây cối, hoa màu	Giá trị hỗ trợ đời sống (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
							< 200m ²	>200m ²	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)				
III	Đối với 02 hộ dân có đất khai hoang và 03 hộ dân trồng cây trăn đất UBND xã quản lý đang sử dụng													
1	Nguyễn Anh	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường	657	29	800,2	74,9			4.718.700	14.156.100	18.874.800	209.720		19.084.520
2	Nguyễn Tuấn Hòa	Thôn Chánh Lạc, xã Cát Tường	840	29	130,6	36,8			2.318.400	6.955.200	9.273.600	103.040		9.376.640
3	Lê Văn Thơm, vợ Nguyễn Thị Hương	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường										2.110.000		2.110.000
4	Đoàn Văn Trắc	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường										620.000		620.000
5	Nguyễn Tiền	Thôn Chánh Liêm, xã Cát Tường										6.265.000		6.265.000
IV	Tổ chức						50,6		2.368.800,0		2.368.800,0	105.280,0		2.474.080,0
1	UBND xã Cát Tường		948	29	100,0	25,0			756.000		756.000	33.600		789.600
			913	29	179,8	25,6			1.612.800		1.612.800	71.680		1.684.480
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					1.152,1	520,9	487,1	150.499.300	444.391.500	594.890.800	16.720.480	10.890.000	622.501.000
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)													12.450.000
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)													1.245.000
D	Tổng cộng (A+B+C)													636.196.000

Phụ lục
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TỔ CHỨC NGÀY 04/3/2021 TẠI TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI TRÚNG ĐẤU GIÁ	ĐỊA CHỈ	NĂM SINH	SỐ CMND	KÝ HIỆU SỐ LỖ	DIỆN TÍCH (m2)	TÊN ĐƯỜNG	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT	GIÁ KHỞI ĐIỂM	GIÁ TRÚNG ĐẤU GIÁ (đồng)	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT
1	Nguyễn Thành Cơ	Xã Cát Tiến, huyện Phù Cát	1984	211813362	06 Khu Ở - 01	142,5	Đường ĐS1 và ĐS3, lộ giới 14m - 30m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	1.624.500.000	1.624.500.000	Khu Ở - 01, Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn
2	Trương Thị Hậu	KV7, P. Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn	1981	211655358	02 Khu Ở - 02	146,5	Đường ĐS3, lộ giới 30m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	1.391.750.000	1.391.750.000	Khu Ở - 02, Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn
3	Phạm Thị Bích Thảo	KV5, P. Nguyễn Văn Cừ, TP Quy Nhơn	1973	211415883	03 Khu Ở - 02	147,0	Đường ĐS3, lộ giới 30m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	1.396.500.000	1.396.500.000	Khu Ở - 02, Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn
	TỔNG CỘNG					436,0				4.412.750.000	4.412.750.000	

